

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-PT
Ngày 12-5-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Kim Yến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 tháng 3, ngày 06 tháng 5 và ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hoài A - sinh năm 1968; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Phạm Tấn A1 - sinh năm 1946; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1955; địa chỉ: Số E đường Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo

văn bản ủy quyền ngày 14/11/2024) và ông Đỗ Đức C - sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (*theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2025*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị N1 - sinh năm 1953;
2. Bà Lê Thị Bích H - sinh năm 1986;
3. Ông Phạm Tấn D - sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn D: Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1955; địa chỉ: Số E đường Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (*theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2024*).

4. Ông Phạm Kim H1 - sinh năm 1961; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Phạm Thị G - sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bà Phạm Thị Á - sinh năm 1966; địa chỉ: Đ, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, bà Phạm Thị Á: Ông Phạm Kim H1 - sinh năm 1961; địa chỉ: Đ, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (*theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017*).

7. Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số B đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Văn phòng C2.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người kháng cáo:** Ông Phạm Hoài A là nguyên đơn, ông Phạm Tấn A1 là bị đơn và ông Phạm Tấn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

(Ông A, ông A1, ông N, ông C và ông H1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2017; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện các ngày 22/5/2017, 05/6/2017, 28/12/2020, 24/01/2024; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Hoài A trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Phạm X (chết ngày 08/12/1987) và cụ Lương Thị T (chết ngày 23/7/2015) sinh được 05 người con là Phạm Tấn A1, Phạm Thị G, Phạm Kim H1, Phạm Thị Á và ông là Phạm Hoài A. Khi còn sống cha mẹ ông tạo lập được 01 mảnh vườn diện tích 1.180m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 04, đội 12, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và 01 ngôi nhà cấp IV do cha mẹ ông xây dựng năm 1968. Thực hiện chính sách quản lý đất đai, cụ Phạm X đã đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg nhưng không biết lý do gì lại ghi tên ông Phạm Tấn A1 vào sổ đăng ký. Lợi dụng việc này, năm 1977 ông A1 tự ý kê khai đăng ký diện tích 584m² và được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 547, tờ bản đồ số 05, xã T. Phần còn lại của thửa đất trên, UBND huyện S (nay là thành phố Q) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lương Thị T thuộc thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, diện tích 384m² (trong đó 200m² đất ở và 184m² đất vườn) qua đo đạc thực tế 380,2m². Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ T nhưng đây là tài sản chung của cha mẹ ông trong thời kỳ hôn nhân. Trước khi qua đời cha mẹ của ông đều không để lại di chúc. Do đó, toàn bộ thửa đất số 469 và ngôi nhà cấp IV, địa chỉ xã T là di sản của cha mẹ ông để lại cho các con Phạm Tấn A1, Phạm Thị G, Phạm Kim H1, Phạm Thị Á và ông là Phạm Hoài A.

Ông Phạm Tấn A1 cho rằng mẹ ông đã lập di chúc cho con trai ông Phạm Tấn A1 là Phạm Tấn D tại Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi, di chúc có được là do sự sắp xếp của ông Phạm Tấn A1 vì khi đó mẹ ông đã trên 80 tuổi, bản thân không còn minh mẫn, không thể lập di chúc để định đoạt tài sản của mình. Vì sợ di chúc không còn hiệu lực, ngày 22/02/2017 ông Phạm Tấn A1 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 469 giữa bên tặng cho là hộ bà Lương Thị T với bên được tặng cho là ông Phạm Tấn A1 được Văn phòng C2 công chứng ngày 22/02/2017.

Theo sơ đồ địa chính thửa đất số 469, tờ bản đồ số 5, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Q thực hiện ngày 21/5/2021 có diện tích đo thực tế là 380,2m². Ông yêu cầu chia di sản thừa kế theo diện tích này.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T để lại là thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế 380,2m², có giới

cận: Phía Đông giáp thửa 547, phía Tây giáp đất ông Phạm R và ông Nguyễn D1; phía Nam giáp đất ông Nguyễn T1, phía Bắc giáp đường đi (định giá 200m² ONT là 1.205.853.200 đồng; 180,2m² BHK là 154.266.697 đồng), xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 76,04m² cho 05 người thừa kế theo pháp luật là ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 76,04m². Ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật một kỷ phần của mình được hưởng là 76,04m² đất và nhận 03 kỷ phần của bà G, ông H1, bà Á tặng cho là 76,04m² x 3 = 228,12m² đất; bà G, ông H1, bà Á không yêu cầu ông thanh toán lại giá trị, tổng cộng ông được nhận là 304,16m², trong đó có 160m² đất ONT và 144,16m² đất BHK.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T để lại tài sản gắn liền với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05 là ngôi nhà cấp IV, diện tích 89,4m² có giá trị 60.237.720 đồng thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 12.047.544 đồng cho 05 người thừa kế theo pháp luật là ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 12.047.544 đồng và ông yêu cầu được nhận ngôi nhà cấp IV, ông đồng ý thanh toán lại giá trị cho ông Phạm Tấn A1 một kỷ phần bằng giá trị là 12.047.544 đồng. Còn bà G, ông H1, bà Á tặng cho kỷ phần của mình cho ông, không yêu cầu thanh toán lại giá trị. Ông tự nguyện tháo dỡ ngôi nhà để chia di sản quyền sử dụng đất bằng hiện vật.

- Chia di sản thừa kế của cụ Lương Thị T chết để lại gồm: 30 cây tre gai già giá 1.800.000 đồng, 02 cây vú sữa có đường kính nhỏ 20cm giá 900.000 đồng, 01 cây vú sữa có chiều cao thân cây hơn 01m, đường kính gốc khoảng 03-05cm giá 140.000 đồng, 50 cây chuối giá 1.895.000 đồng, 08 cây u ma giá 440.000 đồng, tổng cộng giá trị là 5.175.000 đồng. Ông yêu cầu chia thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 1.035.000 đồng cho 05 người thừa kế theo pháp luật gồm: Ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 1.035.000 đồng. Ông yêu cầu được nhận toàn bộ cây cối, ông đồng ý thanh toán lại giá trị cho ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á mỗi người một kỷ phần là 1.035.000 đồng. Nhưng bà G, ông H1, bà Á đồng ý tặng cho kỷ phần cho ông nên ông chỉ thanh toán lại cho ông Phạm Tấn A1 là 1.035.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu, từ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lương Thị T chết để lại gồm các loại cây cối nêu trên thành yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm X, cụ Lương Thị T chết để lại gồm các loại cây cối này có tổng giá trị là 5.175.000 đồng. Ông A yêu cầu chia

thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 1.035.000 đồng cho 05 người thừa kế theo pháp luật gồm: Ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 1.035.000 đồng. Ông A yêu cầu được nhận toàn bộ cây cối, ông A đồng ý thanh toán lại giá trị cho ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, mỗi người một kỷ phần là 1.035.000 đồng. Nhưng bà G, ông H1, bà Á tặng cho kỷ phần cho ông A nhận nên ông A chỉ thanh toán lại cho ông Phạm Tấn A1 là 1.035.000 đồng.

Đối với 01 giếng đóng (không còn giá trị sử dụng) nên ông A không yêu cầu giải quyết.

Riêng 01 chuồng bò (định giá 4.439.890 đồng), ông A1 tự tháo dỡ vì trước đó ông A1 đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại tức là không tính bồi thường cho ông A1 khi chia di sản thừa kế.

Đối với 01 cây chanh đã cho quả (định giá là 100.000 đồng), 01 cây dừa chưa cho quả (định giá là 400.000 đồng) của ông Phạm Tấn A1 trồng trên phần đất của người thừa kế nào được hưởng thì thanh toán lại giá trị cho ông A1.

- Yêu cầu hủy di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 được Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi xác nhận ngày 11/6/2013, nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn ông A thay đổi nội dung yêu cầu là yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 được Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi xác nhận ngày 11/6/2013 không có hiệu lực.

** Tại đơn trình bày ngày 26/6/2017; Biên bản làm việc ngày 05/7/2017; bản tự khai ngày 25/9/2017; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Phạm Tấn A1, người đại diện theo ủy quyền của ông A1 là ông Nguyễn Văn N, ông Đỗ Đức C trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 469, tờ bản đồ số 5 gắn liền với nhà ở tại xã T là do cụ Phạm X và cụ Lương Thị T tạo lập trước năm 1987 nhưng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1987, cụ X chết, căn cứ theo Luật đất đai năm 1993 thì cụ Lương Thị T kê khai đăng ký được Nhà nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lương Thị T vào ngày 04/8/2002 được quyền sử dụng thửa đất số 469, tờ bản đồ số 5, diện tích 384m² (đo thực tế 380,2m²), xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ tại khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 thì diện tích 380,2m² thuộc thửa số 469, tờ bản đồ số 5 thuộc quyền sử dụng của cụ T là đúng theo quy định của Luật đất đai. Do đó, vào năm 2013 cụ T thực hiện quyền của mình,

lập di chúc và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cháu Phạm Tấn D thể hiện rõ nội dung là: “... Sau khi tôi qua đời thì toàn bộ phần tài sản thuộc quyền sử dụng của tôi nêu trên bao gồm cả tài sản gắn liền với đất để lại cho cháu: Phạm Tấn D toàn quyền sử dụng và có trách nhiệm lo liệu cúng, giỗ, sửa sang lại nhà thờ”. Văn bản có hai người làm chứng là bà Mai Thị T2, ông Lê Hữu T3 và Bản di chúc đã được Phòng C1, tỉnh Quảng Ngãi công chứng.

Như vậy, căn cứ Điều 624, khoản 1 Điều 630 và khoản 1 Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Di chúc của cụ T nêu trên là hợp pháp nên không còn tồn tại di sản của cụ T mà đã chuyển giao cho ông Phạm Tấn D.

Ông A1 đồng ý về nguồn gốc của thửa đất tranh chấp cũng như về huyết thống như ông A trình bày. Tuy nhiên, ông A1 không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà G, ông H1, bà Á, vì thửa đất và nhà, cây cối đã được cụ Lương Thị T lập di chúc giao cho cháu nội là Phạm Tấn D vào ngày 11/6/2013, bản di chúc này đã được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Ông A1 có công chăm sóc mẹ lúc còn sống; chi phí do ông A1 bỏ ra để sửa chữa nhà của cha mẹ ông, tổng cộng chi phí là hơn 100 triệu đồng.

Từ những căn cứ nêu trên ông A1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà G, ông H1, bà Á. Chia toàn bộ thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, diện tích 380,2m² và ngôi nhà cấp IV, các loại cây cối trên đất cho ông Phạm Tấn D nhận theo di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 để lại.

** Tại các Đơn yêu cầu độc lập ngày 17/8/2017; bản tự khai ngày 07/7/2017; đơn trình bày ngày 16/12/2020, ngày 18/11/2022; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, người đại diện theo ủy quyền của bà G, bà Á là ông Phạm Kim H1 trình bày:*

Các ông, bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T chết để lại là nhà ở và đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q cho các ông, bà. Đối với di chúc do cụ T để lại tài sản cho cháu Phạm Tấn D là không đúng, vì lúc đó cụ T đã trên 80 tuổi không còn minh mẫn; ông, bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ X và cụ T cho các người thừa kế. Nếu ông, bà được hưởng phần di sản thì toàn bộ phần di sản của ông, bà được nhận sẽ tặng cho ông A. Ông, bà đồng ý với hình thể và diện tích đất theo bản đồ do Trung tâm T đo đạc thực tế ngày 13/4/2021 và đồng ý giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá.

Nay, bà G, ông H1, bà Á yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T để lại là thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế 380,2m² (định giá 200m² ONT là 1.205.853.200 đồng, 180,2m² BHK là 154.266.697 đồng), xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 76,04m² cho 05 người thừa kế theo pháp luật là ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 76,04m². Ông, bà đồng ý cho kỷ phần của mình cho ông A nhận, không yêu cầu ông A phải thanh toán lại giá trị cho ông, bà.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T để lại tài sản gắn liền với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là ngôi nhà cấp IV, diện tích 89,4m² có giá trị 60.237.720 đồng thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 12.047.544 đồng cho 05 người thừa kế theo pháp luật là ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 12.047.544 đồng. Ông, bà đồng ý tặng cho kỷ phần của mình cho ông A nhận, không yêu cầu ông A phải thanh toán lại giá trị cho ông, bà.

- Ông bà đồng ý yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hoài A về việc yêu cầu: Chia di sản thừa kế của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T chết để lại là 30 cây tre gai già giá 1.800.000 đồng, 02 cây vú sữa có đường kính nhỏ 20cm giá 900.000 đồng, 01 cây vú sữa có chiều cao thân cây hơn 01m, đường kính gốc khoảng 03-05cm giá 140.000 đồng, 50 cây chuối giá 1.895.000 đồng, 08 cây u ma giá 440.000 đồng, tổng cộng giá trị là 5.175.000 đồng. Ông Phạm Hoài A yêu cầu chia thành 05 kỷ phần bằng nhau cho người thừa kế theo pháp luật: Ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 1.035.000 đồng. Ông A yêu cầu được nhận toàn bộ cây cối, ông A đồng ý thanh toán lại giá trị cho ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á mỗi người một kỷ phần là 1.035.000 đồng. Nhưng ông bà đồng ý cho kỷ phần của mình cho ông A nhận, không yêu cầu ông A phải thanh toán lại giá trị cho ông, bà.

- Ông, bà thống nhất yêu cầu của nguyên đơn ông A yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 được Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi xác nhận ngày 11/6/2013 không có hiệu lực.

- Đối với 01 giếng đóng (không còn giá trị sử dụng) nên ông, bà không yêu cầu giải quyết.

- Riêng 01 chuồng bò (định giá 4.439.890 đồng), ông A1 tự tháo dỡ vì trước đó ông A1 đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại tức là không tính bồi thường cho ông A1 khi chia di sản thừa kế.

- Đối với 01 cây chanh đã cho quả (định giá là 100.000 đồng), 01 cây dứa chưa cho quả (định giá là 400.000 đồng) của ông Phạm Tấn A1 trồng nằm trên phần đất của người thừa kế nào được hưởng thì thanh toán lại giá trị cho ông A1.

** Tại bản tự khai ngày 18/10/2017, ngày 09/4/2021; đơn trình bày ngày 29/7/2024; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn D, người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Phạm Tấn A1 trình bày:*

Vào khoảng thời gian đầu tháng 6/2013 bà nội ông D là cụ Lương Thị T có giao cho ông D giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U879139 ngày 04/8/2002, số thửa 469, diện tích 384m², tờ bản đồ số 5, ông D có nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác về đất đai với Nhà nước đồng thời chăm sóc cụ T lúc còn sống, lo việc cúng giỗ sau này. Sau đó cụ T có di chúc lại cho ông D toàn bộ tài sản là nhà, cây cối và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên; di chúc đã được công chứng tại Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi.

Nay ông A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, ông H1, bà Á yêu cầu chia di sản thừa kế nhà, cây cối và đất nêu trên, yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 không có hiệu lực thì ông D không đồng ý, vì cụ T đã lập di chúc giao tài sản cho ông D sau khi cụ T chết. Ông Phạm Tấn D yêu cầu công nhận di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 và giấy giao giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 của cụ Lương Thị T là hợp pháp; chia di sản thừa kế theo di chúc đối với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 5, diện tích 380,2m² và ngôi nhà cấp IV, các loại cây cối trên đất cho ông Phạm Tấn D nhận lo việc cúng giỗ, sửa sang nhà thờ; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hoài A và yêu cầu độc lập của bà G, ông H1, bà Á.

** Tại bản trình bày ý kiến ngày 08/9/2020, ngày 28/11/2022; trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi là ông Nguyễn Trung T4 trình bày:*

Qua kiểm tra hồ sơ, Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến như sau: Ngày 11/6/2013, cụ Lương Thị T có đến Phòng công chứng yêu cầu lập Di chúc để lại toàn bộ phần tài sản thuộc quyền sử dụng thửa đất số 469, tờ bản đồ số 5 tại xã

T, huyện S và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất cho ông Phạm Tấn D, qua kiểm tra hồ sơ và giấy tờ do cụ T cung cấp (gồm có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ cụ Lương Thị T, Giấy chứng nhận khám sức khỏe, Chứng minh nhân dân) đảm bảo tính pháp lý. Vì vậy, Công chứng viên Phòng công chứng đã tiến hành thực hiện soạn thảo di chúc theo yêu cầu cụ Lương Thị T, việc lập di chúc trên là hợp pháp và đúng với các quy định của pháp luật (được quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2003, Điều 197, 647, 648, 650, 652, 653, 656, 658, 671 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 36 của Luật Công chứng 2006).

** Tại bản trình bày ý kiến ngày 07/12/2023; trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 là ông Hồ Văn D2 trình bày:*

Ngày 26/01/2015, Văn phòng C2 tiếp nhận hồ sơ của ông Phạm Tấn A1 và tiến hành lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Lương Thị T và ông Phạm Tấn A1. Hai bên đồng ý ký hợp đồng tại Văn phòng công chứng.

Tuy nhiên, do chứng minh nhân dân gốc của ông Phạm Tấn A1 bị thất lạc nên Văn phòng C2 vẫn giữ nguyên Hợp đồng có chữ ký của ông Phạm Tấn A1 và cụ Lương Thị T vì không đủ điều kiện để công chứng.

Đến ngày 22/02/2017, ông Phạm Tấn A1 cầm chứng minh nhân dân gốc và yêu cầu Văn phòng C2 chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông và cụ Lương Thị T.

Ngày 23/02/2017, Văn phòng C2 nhận được thông tin cụ Lương Thị T đã chết vào tháng 7 năm 2015, ngay sau đó Văn phòng C2 đã gặp và làm việc trực tiếp với ông Phạm Tấn A1.

Văn phòng C2 đã thu hồi và hủy bỏ toàn bộ bản gốc Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Lương Thị Tri T5 cho ông Phạm Tấn A1 số công chứng 0341, chứng nhận ngày 22/02/2017 và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng (bản gốc) mang tên cụ Lương Thị T cho ông Phạm Tấn A1 nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích H, bà Lê Thị N1 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

** Bản án số 70/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hoài A và yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số

469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV trên thửa đất 469. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hoài A và yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Lương Thị T để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV trên thửa đất số 469.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hoài A về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T để lại là các loại cây cối trên thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hoài A về việc yêu cầu tuyên di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 không có hiệu lực. Tuyên bố di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 có hiệu lực một phần, hiệu lực đối với phần di sản của cụ Lương Thị T.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T là 380,2m², trong đó 200m² ONT và 180,2m² BHK, trong đó 200m² ONT giá trị 1.205.853.200 đồng, 180m² BHK giá trị 154.266.697 đồng; ngôi nhà cấp IV diện tích 89,4m² giá trị 60.237.720 đồng. Tổng cộng giá trị 1.420.357.617 đồng. Trong đó:

Di sản thừa kế của cụ Phạm X $\frac{1}{2}$ thửa đất 469, tờ bản đồ số 05 là 190,1m² đất, trong đó có 100m² ONT giá trị 602.926.600 đồng và 90,1m² BHK giá trị 77.133.349 đồng, tổng trị giá 680.059.949 đồng và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV diện tích 89,4m² giá trị 30.118.860 đồng, tổng giá trị là 710.178.809 đồng.

Di sản thừa kế của cụ Lương Thị T là $\frac{1}{2}$ thửa đất 469, tờ bản đồ số 05 là 190,1m² đất, trong đó có 100m² ONT giá trị 602.926.600 đồng và 90,1m² BHK giá trị 77.133.349 đồng, 01 kỷ phần của cụ T được hưởng di sản thừa kế của cụ X về đất 97.151.421 đồng, $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV giá trị 30.118.860 đồng và 01 kỷ phần của cụ T được hưởng di sản thừa kế của cụ X về nhà là 4.302.694 đồng, tổng giá trị là 811.632.924 đồng.

Xác định di sản thừa kế của cụ Lương Thị T là 30 cây tre gai già giá 1.800.000 đồng, 02 cây vú sữa có đường kính nhỏ 20cm giá 900.000 đồng, 01 cây vú sữa có chiều cao thân cây hơn 01m, đường kính gốc khoảng 03-05cm giá 140.000 đồng, 50 cây chuối giá 1.895.000 đồng, 08 cây u ma giá 440.000 đồng, tổng cộng giá trị là 5.175.000 đồng.

5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm X chết vào ngày 07/12/1987 có 06 người gồm: Cụ Lương Thị T, ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị

G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lương Thị T chết vào ngày 23/7/2015 có 05 người gồm: Ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A.

6. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X là 190,1m², trong đó có 100m² ONT giá trị 602.926.600 đồng và 90,1m² BHK giá trị 77.133.349 đồng, tổng giá trị là 680.059.949 đồng làm 07 kỳ phần bằng nhau, mỗi kỳ phần là 97.151.421 đồng cho 06 người thừa kế theo pháp luật là cụ Lương Thị T, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A mỗi người được hưởng một kỳ phần, ông Phạm Tấn A1 được hưởng 02 kỳ phần. Cụ thể:

Cụ Lương Thị T được hưởng 01 kỳ phần giá trị 97.151.421 đồng.

Ông Phạm Tấn A1 được hưởng 02 kỳ phần giá trị 194.302.842 đồng.

Bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á mỗi người được hưởng 01 kỳ phần giá trị 97.151.421 đồng. Bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Ánh T6 cho kỳ phần của mình cho ông Phạm Hoài A nhận.

Ông Phạm Hoài A được hưởng 01 kỳ phần và 03 kỳ phần của bà G, ông H1, bà Á cho, tổng cộng 04 kỳ phần giá trị 97.151.421 đồng x 4 = 388.605.684 đồng.

- Chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lương Thị T là ½ thừa đất 469, tờ bản đồ số 05 là 190,1m² đất, trong đó có 100m² ONT giá trị 602.926.600 đồng, 90,1m² BHK giá trị 77.133.349 đồng và 01 kỳ phần của cụ T được hưởng di sản thừa kế của cụ X về đất là 97.151.421 đồng, tổng cộng giá trị là 777.211.370 đồng cho ông Phạm Tấn D nhận.

Giao cho ông Phạm Tấn D nhận 380,2m² đất, trong đó 200m² ONT và 180,2m² BHK thuộc thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Phạm Tấn D có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho ông Phạm Tấn A1 194.302.842 đồng; thanh toán lại cho ông Phạm Hoài A 388.605.684 đồng.

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X là ½ ngôi nhà diện tích 44,7m² giá trị 30.118.860 đồng làm 07 kỳ phần bằng nhau, mỗi kỳ phần là 4.302.694 đồng cho 06 người thừa kế theo pháp luật là cụ Lương Thị T, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A mỗi người được hưởng một kỳ phần, ông Phạm Tấn A1 được hưởng 02 kỳ phần. Cụ thể:

Cụ Lương Thị T được hưởng 01 kỳ phần là 4.302.694 đồng.

Ông Phạm Tấn A1 được hưởng 02 kỳ phần là 8.605.388 đồng.

Bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á mỗi người được hưởng 01 kỷ phần 4.302.694 đồng. Bà G, ông H1, bà Á tặng cho kỷ phần của mình cho ông Phạm Hoài A nhận.

Ông Phạm Hoài A được hưởng 01 kỷ phần và 03 kỷ phần của bà G, ông H1, bà Á cho, tổng cộng 04 kỷ phần là 17.210.776 đồng.

- Chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lương Thị T là $\frac{1}{2}$ ngôi nhà diện tích 44,7m² giá trị 30.118.860 đồng và 01 kỷ phần của cụ T được hưởng di sản thừa kế của cụ X về nhà 4.302.694 đồng, tổng cộng giá trị là 34.421.554 đồng cho ông Phạm Tấn D nhận là 34.421.554 đồng.

Giao toàn bộ ngôi nhà cấp IV trên thửa đất số 469 cho ông Phạm Tấn D nhận được quản lý, sử dụng. Ông Phạm Tấn D có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho ông Phạm Tấn A1 là 8.605.388 đồng, thanh toán lại cho ông Phạm Hoài A là 17.210.776 đồng.

- Chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lương Thị T là 30 cây tre gai già giá 1.800.000 đồng, 02 cây vú sữa có đường kính nhỏ 20cm giá 900.000 đồng, 01 cây vú sữa có chiều cao thân cây hơn 01m, đường kính gốc khoảng 03-05cm giá 140.000 đồng, 50 cây chuối giá 1.895.000 đồng, 08 cây u ma giá 440.000 đồng, tổng cộng giá trị là 5.175.000 đồng cho ông Phạm Tấn D nhận.

- Giao 01 cây chanh, 01 cây dừa cho ông Phạm Tấn D nhận, ông Phạm Tấn D có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Phạm Tấn A1 giá trị 01 cây chanh, 01 cây dừa, tổng cộng 500.000 đồng.

- Buộc ông Phạm Tấn A1 phải tháo 01 dờ chuồng bò trên thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Phạm Tấn D có trách nhiệm đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Ngày 25/9/2024 và ngày 19/9/2024, ông Phạm Hoài A có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và cho ông nhận di sản bằng hiện vật.

Trong các ngày 24/9/2024, ngày 07/10/2024, ngày 04/10/2024, ngày 06/10/2024; tại biên bản làm việc ngày 11/11/2024 và ngày 25/11/2024, ông Phạm Tấn A1, ông Phạm Tấn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải

quyết: Hủy bản án sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

* Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 950/QĐ-VKS-DS ngày 25/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi kháng nghị đối với bản án số 70/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/5/2025, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã rút một phần kháng nghị đối với nội dung chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông Phạm Hoài A.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định tại Điều 286, 290, 292 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức, nội dung, thời hạn kháng cáo của các ông Phạm Hoài A, Phạm Tấn A1, Phạm Tấn D phù hợp với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền, hình thức, nội dung và thời hạn kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 278, 279, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 284, Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đối với phần kháng nghị đề nghị không chia kỹ phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản, chăm sóc cụ T cho bị đơn; đình chỉ kháng nghị đối với nội dung chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông Phạm Hoài A; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về việc không chia kỹ phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản, chăm sóc cụ T cho bị đơn; không chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế bằng hiện vật; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc hủy bản án sơ thẩm; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đối với cách phân chia di sản thừa kế và án phí dân sự sơ thẩm. Đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 10/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án. Ngày 25/9/2024, ông Phạm Hoài A có đơn kháng cáo, ngày 19/9/2024 có đơn kháng cáo bổ sung; trong các ngày 24/9/2024, 07/10/2024, 04/10/2024 và ngày 06/10/2024 ông Phạm Tấn A1, ông Phạm Tấn D có đơn kháng cáo và ngày 25/9/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định kháng nghị số 950/QĐ-VKS-DS đối với bản án số 70/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Bích H và bà Lê Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi đã giải thể theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và bà N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống: Ông Phạm Tấn A1 là người con trai đầu của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T, ông Phạm Tấn A1 sinh năm 1954. Do đó căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mặc dù giữa cụ X và cụ T không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Cụ Phạm X (chết năm 1987) và cụ Lương Thị T (chết năm 2015) có 05 người con gồm các ông, bà: Phạm Tấn A1, Phạm Thị G, Phạm Kim H1, Phạm Thị Á và Phạm Hoài A. Ngoài ra, cụ X và cụ T không còn người con nào khác, kể cả con riêng hay con nuôi.

[2.2] Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống với nhau, cụ Phạm X và cụ Lương Thị T đã cùng tạo lập một thửa đất tại xã T trước năm 1972, đối chiếu

bản đồ 299/TTg là thửa đất số 183, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.180m² (viết tắt là thửa 183). Năm 1972, cụ X và cụ T xây dựng ngôi nhà cấp IV gắn liền với thửa đất nêu trên. Sau đó, ông Phạm Tấn A1 tiến hành tách thửa, kê khai, đăng ký một phần thửa 183 và đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đứng tên ông A1 đối với thửa đất số 547, tờ bản đồ số 05, xã T (viết tắt là thửa 547). Năm 1987, cụ X chết, không để lại di chúc; cụ T tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp IV và phần đất còn lại thuộc thửa 183, đến ngày 04/08/2002 thì được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 469 cho hộ cụ Lương Thị T.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/12/2018 (bút lục 178), đại diện UBND xã T cung cấp thông tin: Diện tích đất cấp cho hộ cụ Lương Thị T vào ngày 04/8/2002 không thuộc diện cân đối theo Nghị định 64/CP.

Tại Công văn số 320/CNTPQN ngày 18/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh thành phố Q (bút lục 18) thể hiện: Thửa 469 tương ứng qua bản đồ 299/TTg là một phần thửa 183. Theo sổ mục kê, thửa 183, loại ruộng đất T, quyền 1, chủ sử dụng đất ghi tên “*Phạm Xe*”. Theo sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b), thửa 183, loại ruộng đất T, trang 109, quyền 2, số thứ tự 10 do “*Phạm Xe + Phạm Tấn A1 đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg*”.

Do đó có cơ sở xác định thửa 469 và ngôi nhà cấp IV trên đất là tài sản chung của cụ X và cụ T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

[3] Xét kháng cáo của các ông Phạm Hoài A, Phạm Tấn A1, Phạm Tấn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế: Cụ Phạm X chết ngày 07/12/1987 và cụ Lương Thị T chết ngày 23/7/2015. Ngày 17/4/2017 ông Phạm Hoài A có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X và cụ T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Tại điểm b mục 10 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh thừa kế năm 1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định ông Phạm Hoài A yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T vẫn còn thời hiệu là có căn cứ.

[3.2] Xét Di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013:

[3.2.1] Về hình thức của Di chúc: Ngày 11/6/2013, cụ Lương Thị T lập di chúc bằng văn bản, có 02 người làm chứng là bà Mai Thị T2 và ông Lê Hữu T3; Di chúc đã được Phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi công chứng vào ngày 11/6/2013. Tại thời điểm lập di chúc, cụ T có Giấy chứng nhận sức khỏe của Bệnh viện tâm thần kết luận không phát hiện rối loạn tâm thần, còn năng lực nhận thức hành vi (bút lục 444). Do đó, căn cứ Điều 650 và Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005, Di chúc của cụ T lập ngày 11/6/2013 là hợp pháp.

[3.2.2] Về nội dung của Di chúc thể hiện: “...sau khi tôi qua đời thì toàn bộ phần tài sản thuộc quyền sử dụng của tôi nêu trên bao gồm cả tài sản gắn liền với đất để lại cho cháu Phạm Tấn D toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, như nhận định tại mục [2.1] và [2.2] thì thửa 469 cùng ngôi nhà cấp IV trên đất là tài sản chung của cụ X và cụ T. Do đó, Di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 đối với phần di sản của cụ X là không hợp pháp, còn phần di sản của cụ T là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Xét Giấy giao quyền giữ GCNQSDĐ đề năm 2013:

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Tấn D trình bày: Giấy giao quyền giữ GCNQSDĐ đã thể hiện ý chí của cụ T muốn giao cho ông Phạm Tấn D giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 469, đồng thời cụ T cũng giao cho ông D nhiệm vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác về đất đai đối với Nhà nước, chăm sóc cụ T lúc tuổi già, lo việc cúng giỗ, sửa sang nhà thờ; nghĩa là toàn bộ thửa 469 và ngôi nhà cấp IV trên đất đều được dùng vào việc thờ cúng, không được chia thừa kế mà người được chỉ định để thực hiện việc thờ cúng là ông D nên Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế là vi phạm Điều 670 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo quy định tại Điều 670 của Bộ luật dân sự năm 2005: “*Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; ...*”.

Tuy nhiên, theo nhận định tại mục [2.2] Di chúc của cụ T không hợp pháp một phần nên ông Phạm Tấn A1 và ông Phạm Tấn D cho rằng không được chia thừa kế đối với toàn bộ tài sản này vì được dùng vào việc thờ cúng là không có cơ sở.

[3.4] Về phân chia di sản thừa kế:

[3.4.1] Ông A1 trình bày ngôi nhà trên đất được cha, mẹ ông xây dựng năm 1972; quá trình sử dụng, ông có bỏ tiền sửa chữa ngôi nhà cấp IV trên thửa 469 nhiều lần. Năm 2015, cụ T chết, ông là người bảo quản di sản, ngoài ra vào

năm 2003 khi ông A làm nhà ở riêng thì ông A1 là người chăm sóc cụ T, tổng chi phí khoảng hơn 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông A1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông A, ông H1, bà Á và bà G cho rằng chi phí sửa chữa nhà là do cụ T tự chi trả, khi cụ T đau ốm thì các con đều thay phiên chăm sóc. Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy năm 1987 cụ X chết, thời điểm này ông A1 đã có gia đình và ở nhà riêng; cụ X và cụ T sinh sống với ông A. Năm 2003, ông A làm nhà ở riêng thì cụ T sống một mình. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông A1 thêm một kỷ phần thừa kế của cụ X là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của những đồng thừa kế khác.

[3.4.2] Đối với ngôi nhà cấp IV có diện tích 89,4m² trên thửa 469, ông A có ý kiến tháo dỡ vì ngôi nhà không có giá trị, không sử dụng được; ông A có nguyện vọng nhận di sản bằng hiện vật, nếu ông được nhận di sản bằng hiện vật ông sẽ tự nguyện tháo dỡ ngôi nhà và hoàn trả lại giá trị cho các đồng thừa kế tương ứng với kỷ phần được hưởng. Xét yêu cầu của ông A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Phạm Hoài A đã xây nhà ở ổn định từ năm 2003 trên thửa 547 đứng tên ông Phạm Tấn A1, tuy nhiên hiện nay không có tranh chấp. Đối với ngôi nhà cấp IV trên thửa 469, nằm vị trí ở giữa thửa đất; hiện không có ai sinh sống trong ngôi nhà này nhưng lại là nơi thờ cúng cụ X và cụ T; ông Phạm Tấn A1 và ông Phạm Tấn D không đồng ý tháo dỡ ngôi nhà. Theo Chứng thư thẩm định giá số 220206/CNQN.VIETTIN JSC do Công ty cổ phần T7 – Chi nhánh Q xác định ngôi nhà có giá trị 60.237.720 đồng. Mặt khác, theo quy định tại điểm d Điều 3 Quyết định 34/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Q quy định: *Thửa đất được hình thành sau khi tách thửa không cắt qua nhà ở, công trình gắn liền trên đất (trừ các công trình phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm, các công trình khác xây dựng tạm để phục vụ đời sống, sinh hoạt)*. Do đó, cấp sơ thẩm giao nhà, đất tại thửa 469 cho ông Phạm Tấn D quản lý, sử dụng và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế của cụ X là có căn cứ.

[3.4.3] Di sản thừa kế của cụ Phạm X được phân chia cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất có diện tích 190,1m² (trong đó 100m² đất ONT và 90,1m² đất BHK) thuộc thửa 469 có giá trị là 680.059.949 đồng và ½ ngôi nhà cấp IV diện tích 44,7m² có giá trị là 30.118.860 đồng, tổng giá trị di sản là 710.178.809 đồng. Chia thành 06 kỷ phần bằng nhau cho 06 người thừa kế theo pháp luật của cụ X gồm: Cụ T, bà G, ông H1, bà Á, ông A, ông A1 mỗi người được hưởng một kỷ phần có giá trị là 118.363.135 đồng. Bà G, ông H1, bà Á tặng cho ông A kỷ phần thừa kế của mình, nên ông A được nhận tổng cộng 04 kỷ phần có giá trị là 473.452.540 đồng. Do đó, ông D phải thanh toán cho ông

A1 số tiền là 118.363.135 đồng và thanh toán cho ông A số tiền là 473.452.540 đồng.

[3.4.4] Di sản thừa kế của cụ Lương Thị T để lại như sau:

Quyền sử dụng đất có diện tích 190,1m² đất (trong đó 100m² đất ONT và 90,1m² đất BHK) thuộc thửa 469 có giá trị là 680.059.949 đồng; ½ ngôi nhà cấp IV với diện tích 44,7m² có giá trị là 30.118.860 đồng; kỷ phần thừa kế được hưởng của cụ X có giá trị là 118.363.135 đồng và các cây trồng trên đất (trừ 01 cây chanh, 01 cây dừa do ông A1 trồng, tổng giá trị là 500.000 đồng) có giá trị là 5.175.000 đồng, tổng giá trị di sản của cụ T là 833.716.944 đồng. Di chúc của cụ T hợp pháp một phần và để lại cho ông D toàn quyền quản lý, sử dụng di sản của cụ T. Do đó, cấp sơ thẩm giao cho ông D được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng thửa 469, sở hữu các tài sản trên đất gồm ngôi nhà cấp IV và cây trồng trên đất là phù hợp. Ông D phải thanh toán giá trị 01 cây chanh, 01 cây dừa trên đất cho ông A1 với số tiền là 500.000 đồng.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Hoài A về việc không chia kỷ phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản, chăm sóc cụ T cho bị đơn; không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoài A về yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật; không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tấn A1 và ông Phạm Tấn D; sửa bản án sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng nhận định như trên.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Kim H1 và bà Phạm Thị G là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc ông A chịu án phí đối với kỷ phần ông H1, bà G được hưởng là không đúng. Do đó, cấp phúc thẩm sửa phần án phí dân sự sơ thẩm; bà Phạm Thị G và ông Phạm Kim H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H1 số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm ông H1 đã nộp 534.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004929 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Hoàn trả cho bà G số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm bà G đã nộp 534.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004927 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Bà Phạm Thị Á và ông Phạm Hoài A được hưởng phần di sản thừa kế của cụ X có giá trị là 118.363.135 đồng, do đó mỗi người phải chịu án phí sơ

thẩm là 5.918.000 đồng. Tuy nhiên, bà Á đã tặng cho kỷ phần của mình cho ông A, ông A thống nhất nhận và chịu án phí dân sự sơ thẩm. Mặt khác, do không chấp nhận một phần yêu cầu của ông A về việc tuyên bố di chúc cụ Lương Thị T vô hiệu toàn bộ nên ông A phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Như vậy, ông A phải chịu 12.136.000 đồng tiền nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 1.134.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004763 ngày 12/6/2017, số 0001460 ngày 04/01/2024 và số 0001533 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Phạm Hoài A còn phải nộp 11.002.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 534.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004928 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Ông A1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn tiền án phí sơ thẩm.

- Ông D được hưởng phần tài sản trong khối di sản thừa kế của cụ T có giá trị là 833.716.944 đồng. Do đó ông Phạm Tấn D phải chịu án phí sơ thẩm là 37.012.000 đồng.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng, chi phí đo đạc 7.500.000 đồng, chi phí thẩm định giá 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 17.500.000 đồng. Ông D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tương ứng là 10.235.000 đồng; các ông bà A, A, H1, G, Á, mỗi người phải chịu 1.453.000 đồng. Ông A thống nhất chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá của các ông bà H1, G, Á nên ông A phải chịu 5.812.000 đồng.

Ông A đã nộp tạm ứng 17.500.000 đồng và đã chi phí xong nên ông A1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông A 1.453.000 đồng, ông D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông A 10.235.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166, 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219, 223, 633, 635, 646, 648, 650, 652, 667, 670, 684 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 623, 649, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án Nhân dân Tối cao - Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao-Bộ Tư pháp; Điều 12, 14, 15, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Hoài A về việc không chia kỷ phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản, chăm sóc cụ T cho bị đơn; không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoài A về yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật; không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tấn A1 và ông Phạm Tấn D; sửa bản án sơ thẩm số 70/2024/DS-ST ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Đình chỉ một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đối với nội dung chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông Phạm Hoài A.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoài A và yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV gắn liền thửa đất số 469.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoài A và yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Lương Thị T để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV gắn liền thửa đất số 469.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoài A về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T để lại là các loại cây trồng trên thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoài A về việc yêu cầu tuyên di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày

11/6/2013 vô hiệu. Tuyên bố di chúc của cụ Lương Thị T lập ngày 11/6/2013 có hiệu lực một phần đối với phần di sản của cụ Lương Thị T.

6. Xác định thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 380,2m²; trong đó có 200m² ONT có giá trị 1.205.853.200 đồng và 180,2m² BHK có giá trị 154.266.697 đồng và ngôi nhà cấp IV diện tích 89,4m² có giá trị 60.237.720 đồng là di sản thừa kế của cụ Phạm X và cụ Lương Thị T. Tổng giá trị di sản là 1.420.357.617 đồng.

Di sản thừa kế của cụ Phạm X là $\frac{1}{2}$ thửa 469 và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV trên đất, tổng giá trị là 710.178.809 đồng. Di sản thừa kế của cụ Lương Thị T là 01 kỷ phần được hưởng từ di sản thừa kế của cụ X, $\frac{1}{2}$ thửa 469, $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV và các cây trồng trên đất (trừ 01 cây chanh và 01 cây dừa của ông Phạm Tấn A1 trồng, tổng giá trị 500.000 đồng) tổng giá trị di sản là 833.716.944 đồng.

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm X có 06 người gồm: Cụ Lương Thị T, ông Phạm Tấn A1, bà Phạm Thị G, ông Phạm Kim H1, bà Phạm Thị Á, ông Phạm Hoài A.

8. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm X là 710.178.809 đồng thành 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 118.363.135 đồng cho 06 người thừa kế theo pháp luật là cụ T, bà G, ông H1, bà Á, ông A, ông A1, mỗi người được hưởng một kỷ phần. Bà G, ông H1, bà Á đều tặng cho ông A nên ông A được nhận 04 kỷ phần có giá trị là 473.452.539 đồng.

Chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lương Thị T là 01 kỷ phần được hưởng từ di sản thừa kế của cụ Phạm X, $\frac{1}{2}$ thửa 469, $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp IV và các cây trồng trên đất (trừ 01 cây chanh và 01 cây dừa của ông Phạm Tấn A1 trồng), tổng giá trị là 833.716.944 đồng cho ông Phạm Tấn D nhận.

Giao cho ông Phạm Tấn D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 380,2m² đất, trong đó 200m² ONT và 180,2m² BHK và sở hữu ngôi nhà cấp IV trên thửa đất số 469.

Giao cho ông Phạm Tấn D được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất gồm: 30 cây tre gai, 03 cây vú sữa, 50 cây chuối, 08 cây u ma, 01 cây chanh và 01 cây dừa trên thửa đất số 469.

Ông Phạm Tấn D có trách nhiệm đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Phạm Tấn D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Tấn A1 số tiền 118.863.135 đồng (trong đó có 118.363.135 đồng giá trị di sản thừa kế mà ông

A1 được hưởng và 500.000 đồng giá trị 01 cây chanh, 01 cây dừa của ông A1) và thanh toán cho ông Phạm Hoài A số tiền 473.452.539 đồng.

9. Buộc ông Phạm Tấn A1 phải tháo dỡ 01 chuồng bò trên thửa đất số 469, tờ bản đồ số 05, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

10. Về án phí dân sự:

10.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Kim H1 và bà Phạm Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H1 số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004929 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Hoàn trả cho bà G số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004927 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Bà Phạm Thị Á phải chịu án phí sơ thẩm là 5.918.000 đồng đối với kỷ phần thừa kế được hưởng, tuy nhiên bà Á tặng cho ông A kỷ phần của mình, ông A thống nhất nhận và chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hoài A phải chịu án phí sơ thẩm là 5.918.000 đồng đối với kỷ phần thừa kế được hưởng và 300.000 đồng do không chấp nhận yêu cầu về việc tuyên bố di chúc cụ Lương Thị T vô hiệu. Do đó, ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.136.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 1.134.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004763 ngày 12/6/2017, số 0001460 ngày 04/01/2024 và số 0001533 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Phạm Hoài A còn phải nộp 11.002.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 534.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004928 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Ông Phạm Tấn A1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Tấn D được hưởng phần tài sản trong khối di sản thừa kế của cụ T có giá trị là 833.716.944 đồng. Do đó ông Phạm Tấn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.012.000 đồng.

10.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

11. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng, chi phí đo đạc 7.500.000 đồng, chi phí thẩm định giá 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 17.500.000 đồng. Ông D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tương ứng là 10.235.000 đồng; các ông bà A, A, H1, G, Á, mỗi người phải chịu 1.453.000 đồng. Ông A thống nhất chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định giá của các ông bà H1, G, Á nên ông A phải chịu 5.812.000 đồng.

Ông A đã nộp tạm ứng 17.500.000 đồng và đã chi phí xong nên ông A1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông A 1.453.000 đồng, ông D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông A 10.235.000 đồng.

12. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP. Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa